

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN LIÊN CHIỀU - TP.ĐÀ NẴNG****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135 /2024/DS-ST**  
Ngày: 27 - 9 - 2024  
V/v: “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.** Địa chỉ: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Hữu T - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh S2 - Phòng G; địa chỉ liên hệ: số D - D đường P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, (Theo Quyết định v/v uỷ quyền ký hợp đồng/thảo thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Giấy uỷ quyền ngày 14/3/2024). Ông T có mặt

**- Bị đơn: Ông Đặng Thanh D1;** sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:*

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, ông Đặng Thanh D1 ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S - Chi nhánh S2, Phòng G và được ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2,77%/tháng (lãi suất trong hạn) và được ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của ngân hàng N về lãi suất cho vay. Quá trình sử dụng thẻ, ông D1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 782.950.000 đồng, đã thanh toán được 690.084.290 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 05 tháng 02 năm 2024, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và sau ngày 06 tháng 02 năm 2024 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D1.

Tính đến ngày 14 tháng 3 năm 2024, ông D1 còn nợ ngân hàng số tiền 121.029.706 đồng, trong đó nợ gốc 111.483.497 đồng, lãi quá hạn 9.546.219 đồng. Do vậy ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án buộc ông D1 thanh toán số tiền nợ trên đây và buộc ông D1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Đặng Thanh D1 trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử là: 148.146.502 đồng, bao gồm: nợ gốc 111.483.497 đồng, lãi quá hạn 36.663.015 đồng và buộc ông D1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*\* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử, bị đơn là ông Đặng Thanh D1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đặng Thanh D1 không có ý kiến và vắng mặt trong

suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 15 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc buộc ông Đặng Thanh D1 trả cho ngân hàng số tiền gốc 111.483.497đồng, tiền lãi quá hạn 9.546.219đồng, tổng cộng 148.146.502đồng và buộc ông D1 có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả xong nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Thanh D1 trả cho ngân hàng số tiền nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng là 121.029.706 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” được quy định tại Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Đặng Thanh D1 nhưng ông D1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi 148.146.502 đồng thì thấy:

Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín cá nhân ngày 12 tháng 12 năm 2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Đặng Thanh D1 đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, ông D1 không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện

của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Sau khi được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng, ông Đặng Thanh D1 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 782.950.000đồng và đến ngày 14/3/2024, ông D1 thanh toán được số tiền tổng cộng là 690.084.290đồng và không tiếp tục thanh toán cho đến nay.

Xét thấy ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các điều 18, 19 và 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S và quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, khoản 15 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt. Xét mức lãi suất trong hạn mà ngân hàng đã áp dụng là 2.77%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 111.483.497đồng, số tiền lãi quá hạn 9.546.219đồng, tổng cộng 148.146.502đồng.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; số tiền án phí cụ thể được xác định như sau:  $148.146.502\text{đồng} \times 5\% = 7.407.325\text{đồng}$ . Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 15 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” của Ngân hàng TMCP S đối với ông Đặng Thanh D1.

**Tuyên xử:**

1. Buộc ông Đặng Thanh D1 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 148.146.502 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm lẻ hai đồng), trong đó: nợ gốc là 111.483.497 đồng (Một trăm mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi bảy đồng), lãi quá hạn 9.546.219 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm mười chín đồng).

Ông Đặng Thanh D1 tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án phát sinh kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín cá nhân ngày 12 tháng 12 năm 2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ông Đặng Thanh D1 phải chịu 7.407.325 đồng (Bảy triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 3.025.743 đồng (Ba triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000765 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG THỊ THÁI**